

Số: 27/BC-TLT

Nghĩa Trung, ngày 01 tháng 7 năm 2024

### Phụ lục I

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN<sup>1</sup>

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDD T ngày 03 tháng 06 năm 2024 chia  
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA TRƯỜNG MẦM NON TÂN LẬP THÀNH

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm: 2024 - 2025

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG MẦM NON TÂN LẬP THÀNH

2. Địa chỉ:

Địa chỉ: Tổ 1, P. Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông;

Email: [mntanlapthanh.gianghia@gmail.com](mailto:mntanlapthanh.gianghia@gmail.com)

Cổng thông tin điện tử: <https://c0tanlapthanh.pgdgianghia.edu.vn/>

3. Loại hình cơ sở giáo dục:

Loại hình: Trường công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND thành phố Gia Nghĩa

Tên nhà đầu tư thành lập: UBND thành phố Gia Nghĩa.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- **Tầm nhìn:** Một ngôi trường thân thiện, chất lượng và hiệu quả, đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị. nơi phụ huynh, học sinh tin cậy. Một chiếc nôi rèn luyện để giáo viên cống hiến và học sinh luôn có khát vọng vươn lên khẳng định bản thân, phục vụ học lên cấp học cao hơn. Học sinh có những kỹ năng cơ bản để phục vụ cuộc sống.

- **Sứ mệnh:** Xây dựng một đơn vị có tính kỉ luật lao động cao, biết thương yêu hỗ trợ nhau, biết được nhiệm vụ của mỗi cá nhân để tư duy, sáng tạo, làm việc có hiệu quả, trung thực, khách quan trong việc thực thi nhiệm vụ.

- **Mục tiêu:** Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Là mô hình giáo dục phù hợp theo xu thế phát triển của đất nước và thời đại. Xây dựng trường học hạnh phúc. Mỗi học sinh, khi đến trường, đều tìm thấy niềm vui mỗi ngày, đều có cơ hội phát triển tối đa năng lực của mình.

## **5. Quá trình hình thành và phát triển**

Trường Mầm non Tân Lập thành được thành lập ngày 05 tháng 08 năm 2010 theo Quyết định số 399/QĐ-UBND của UBND thị xã Gia nghĩa nay là thành phố Gia Nghĩa. Trường có tổng diện tích đất 3503 m<sup>2</sup>, diện tích sân chơi 1.235 m<sup>2</sup>. Trường có 6 phòng học, 01 nhà hiệu bộ gồm có văn phòng và phòng hiệu trưởng, 01 nhà bếp, 01 phòng y tế.

Hằng năm, nhà trường ban hành kế hoạch tự đánh giá chất lượng giáo dục và ban hành Quyết định thành lập tự đánh giá chất lượng giáo dục theo Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường Mầm Non.

Năm học 2024-2025 nhà trường có 13 cán bộ, giáo viên, nhân viên. Đội ngũ cán bộ - giáo viên - nhân viên nhiệt tình, có tinh thần đoàn kết và trách nhiệm cao với mọi công việc được giao, năng lực chuyên môn vững, tận tụy, hết lòng vì học sinh, yên tâm với nghề và thực sự yêu nghề, mến trẻ. Đây là yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục.

Lượng học sinh đến trường tăng dần hàng năm. Tính đến đầu năm học 2024-2025, trường có 05lớp với 148 học sinh.

Trình độ chuyên môn 100% giáo viên đạt trên chuẩn.

## **6. Thông tin người đại diện pháp luật:**

Họ tên: Nguyễn Hoàng Quyên

Chức vụ: Hiệu trưởng;

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 1, Phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Điện thoại: 0905.799.639

Thư điện tử: quyenputin@gmail.com

## **7. Tổ chức bộ máy:**

a) Trường Mầm non Sơn Ca được thành lập ngày 05 tháng 08 năm 2010 theo Quyết định số 399/QĐ-UBND của UBND thị xã Gia nghĩa nay là thành phố Gia Nghĩa.

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường: Quyết định số 1335/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc thành lập Hội đồng trường MN Tân Lập Thành

c) Quyết định thành lập Hội đồng trường: Quyết định 1335 /QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của UBND thành phố Gia Nghĩa, quyết định về thành lập Hội đồng trường Mầm non Tân Lập Thành, nhiệm kỳ 2022 – 2027;

Quyết định số 27/QĐ-TLT ngày 23 tháng 9 năm 2024 về việc phân công nhiệm vụ Hội đồng trường MN Tân Lập Thành nhiệm kỳ 2022-2027.

| <b>TT</b> | <b>Họ tên</b>         | <b>Chức vụ</b>                | <b>Chức vụ trong Hội đồng</b> |
|-----------|-----------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| 01        | Bà Nguyễn Hoàng Quyên | - Bí thư Chi bộ, hiệu trưởng; | Chủ tịch HĐ                   |
| 02        | Bà Phạm Thị Nhợi      | - Phó hiệu trưởng             | Thành viên                    |

|    |                         |                               |                 |
|----|-------------------------|-------------------------------|-----------------|
| 03 | Bà Nguyễn Thị Thuý Hằng | - Tổ trưởng tổ mầm, chồi      | Thành viên      |
| 04 | Bà Trần Thị Thu Thảo    | - Giáo viên                   | Thư ký hội đồng |
| 05 | Bà Dương Thị Thanh      | - Tổ trưởng tổ lá             | Thành viên      |
| 06 | Bà Nguyễn Thị Thanh Hà  | - Chủ tịch công đoàn          | Thành viên      |
| 07 | Bà Phạm Thị Phương      | - Bí thư chi đoàn             | Thành viên      |
| 08 | Ông Võ Hoài Phú         | - PCT UBND phường Nghĩa Trung | Thành viên      |
| 09 | Ông Đỗ Huy Pháp         | - Trưởng Ban đại diện CMHS    | Thành viên      |

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm ban giám hiệu

Quyết định số 355/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 về việc bổ nhiệm viên chức quản lí của UBND thành phố Gia Nghĩa đối với bà Nguyễn Hoàng Quyên, hiệu trưởng trường MN Tân Lập Thành.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động.

Trường ban hành Quyết định số 27/QĐ-TLT ban hành quy chế tổ chức và hoạt động trường MN Tân Lập Thành.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể

Trường Mầm non Tân Lập Thành được thành lập ngày 05 tháng 08 năm 2010 theo Quyết định số 399/QĐ-UBND của UBND thị xã Gia nghĩa nay là thành phố Gia Nghĩa.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục:

Họ tên: Nguyễn Hoàng Quyên, Điện thoại: 0905.799.693

Chức vụ: Hiệu trưởng, Địa chỉ Email: quyenputin@gmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Tổ 1, phường Nghĩa Trung, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Nhiệm vụ, trách nhiệm:

Xây dựng kế hoạch năm học, tháng. Tổ chức họp liên tịch nhà trường để bàn bạc thống nhất kế hoạch, tổ chức cho các đoàn thể, tổ chuyên môn thực hiện kế hoạch hàng tháng.

Tổng hợp, nhận xét kết quả công tác hàng tuần, có biện pháp điều chỉnh, chỉ đạo khắc phục những tồn tại thiếu sót, báo cáo trước hội đồng nhà trường vào phiên họp hội đồng sư phạm trong tháng.

Trực tiếp quản lý công tác của giáo viên, nhân viên theo nhiệm vụ đã giao, thường xuyên kiểm tra giáo viên trong công tác giảng dạy và trong các hoạt động giáo dục khác.

Tham gia giảng dạy 02 giờ trong một tuần; được hưởng chế độ phụ cấp và các chính sách ưu đãi theo quy định.

Ngoài việc thực hiện kế hoạch kiểm tra chuyên môn, còn có biện pháp quản lý chặt chẽ công tác hành chính văn phòng như: công tác văn thư lưu trữ các văn bản, lưu trữ các loại hồ sơ sổ sách, chế độ kế toán,... theo qui định.

Tổ chức thực hiện các công việc theo yêu cầu của cơ quan cấp trên theo đúng nội dung và thời gian qui định. Tiếp nhận và giải quyết các đơn thư tố cáo khiếu nại về công tác giáo dục và giảng dạy, những công việc có liên quan đến công tác dân chủ trong tổ chức nhà trường.

Tham mưu cho chi bộ, chính quyền địa phương và cấp trên về công tác xây dựng CSVC nhà trường và các vấn đề liên quan đến sự nghiệp phát triển giáo dục.

Ra các quyết định liên quan đến công tác tổ chức, công tác thi đua khen thưởng trong nhà trường.

### **8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:**

Kế hoạch chiến lược

Các nghị quyết của hội đồng trường; Nghị quyết phối hợp giữa nhà trường và Công đoàn.

Quy chế chi tiêu nội bộ;

Quy chế phối hợp giữa nhà trường và công đoàn.

Quy chế ứng xử

Quy chế tiếp công dân

Quy chế làm việc

Quy chế dân chủ ở cơ sở

## **II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN**

| ST T       | Nội dung  | Tổng số | Trình độ đào tạo |      |     |    |    |         | Đạt chuẩn nghề nghiệp | Tỉ lệ | Bồi dưỡng hàng năm | Tỉ lệ |
|------------|---|---------|------------------|------|-----|----|----|---------|-----------------------|-------|--------------------|-------|
|            |   |         | TS               | Th S | Đ H | CD | TC | Dưới TC |                       |       |                    |       |
|            | <b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b> | 24      | 0                | 0    | 23  | 0  | 0  | 1       | 23                    | 95,8  | 23                 | 95,8  |
| <b>I</b>   | <b>Giáo viên</b>                                      | 10      | 0                | 0    | 18  | 0  | 0  | 0       | 18                    | 100   | 18                 | 100   |
| <b>II</b>  | <b>Cán bộ quản lý</b>                                 | 2       | 0                | 0    | 2   | 0  | 0  | 0       | 2                     | 100   | 2                  | 100   |
| <b>III</b> | <b>Nhân viên</b>                                      | 3       | 0                | 0    | 2   | 0  | 0  | 1       | 2                     | 66,7  | 2                  | 66,7  |
| 1          | Nhân viên y tế  | 1       | 0                | 0    | 1   | 0  | 0  | 0       | 0                     | 0     | 0                  | 0     |
| 2          | Nhân viên   | 1       | 0                | 0    | 0   | 0  | 0  | 1       | 0                     | 0     | 0                  | 0     |

|              |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| khác: Bảo vệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

### III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

| STT         | Nội dung   | Số lượng            | Bình quân                   |
|-------------|--|---------------------|-----------------------------|
| <b>I</b>    | <b>Tổng số phòng</b>   | 5                   | 1,8 m <sup>2</sup> /trẻ em  |
| <b>II</b>   | <b>Loại phòng học</b>  |                     | -                           |
| 1           | Phòng học kiên cố  |                     | -                           |
| 2           | Phòng học bán kiên cố  | 5                   | 1,8 m <sup>2</sup> / trẻ em |
| 3           | Phòng học tạm  |                     | -                           |
| 4           | Phòng học nhờ  |                     | -                           |
| <b>III</b>  | <b>Số điểm trường</b>  | 1                   | -                           |
| <b>IV</b>   | <b>Tổng diện tích đất toàn trường (m<sup>2</sup>)</b>                              | 3503 m <sup>2</sup> | 19,4 m <sup>2</sup>         |
| <b>V</b>    | <b>Tổng diện tích sân chơi (m<sup>2</sup>)</b>                                     | 1235 m <sup>2</sup> | 6,8 m <sup>2</sup>          |
| <b>VI</b>   | <b>Tổng diện tích một số loại phòng</b>  |                     |                             |
| 1           | Diện tích phòng sinh hoạt chung (m <sup>2</sup> )                                  | 57 m <sup>2</sup>   | 1,9 m <sup>2</sup>          |
| 2           | Diện tích phòng ngủ (m <sup>2</sup> )  | 57 m <sup>2</sup>   | 1,9 m <sup>2</sup>          |
| 3           | Diện tích phòng vệ sinh (m <sup>2</sup> )  | 5 m <sup>2</sup>    |                             |
| 4           | Diện tích sân chơi (m <sup>2</sup> )   | 645 m <sup>2</sup>  | 10,7 m <sup>2</sup>         |
| 5           | <i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m<sup>2</sup>)</i>                           |                     |                             |
| 6           | <i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m<sup>2</sup>)</i> |                     |                             |
| 7           | Diện tích nhà bếp và kho (m <sup>2</sup> )   | 46 m <sup>2</sup>   |                             |
| <b>VII</b>  | <b>Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>              |                     | Số bộ/nhóm (lớp)            |
| 1           | Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định                   |                     |                             |
| 2           | Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định               |                     |                             |
| <b>VIII</b> | <b>Tổng số đồ chơi ngoài trời</b>  |                     | Số bộ/sân chơi (trường)     |
| 1           | Liên hoàn  | 3                   | 3/1 sân                     |
| 2           | Rồng   | 2                   | 2/1 sân                     |
| 3           | Thang leo  | 2                   | 2/1 sân                     |
| 4           | Bập bênh   | 1                   | 1/1 sân                     |

|           |   |   |                        |
|-----------|---|---|------------------------|
| 5         | Nhà banh  | 2 | 2/1 sân                |
| 6         | Xích đu   | 3 | 3/1 sân                |
| 7         | Cầu trượt   | 1 | 1/1 sân                |
| 8         | Tàu lửa   | 1 | 1/1 sân                |
| <b>IX</b> | <b>Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v... )</b> |   |                        |
| 1         | Máy chiếu   | 1 |                        |
| <b>X</b>  | <b>Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)</b>                     |   | Số thiết bị/nhóm (lớp) |
| 1         | Đàn organ   | 6 | 6/6 lớp                |
| 2         | Máy photocopy   | 1 | 1/6 lớp                |
| 3         | Đầu đĩa   | 4 | 4/6 lớp                |
| 4         | Ti vi   | 4 | 4/6 lớp                |

#### IV. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của BGD&ĐT. Trường mầm non Tân Lập Thành tự đánh giá hàng năm đúng quy định.

Hàng năm nhà trường đều có kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm.

#### V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MẦM NON

##### 1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học 2023-2024.

- Tổng số nhóm lớp:

| Nhóm , lớp   | Số nhóm, lớp | Số học sinh | Số giáo viên |
|--------------|--------------|-------------|--------------|
| Lớp 3-4 tuổi | 1            | 31          | 2/lớp        |
| Lớp 4-5 tuổi | 1            | 36          | 2/lớp        |
| Lớp 5-6 tuổi | 3            | 93          | 2/lớp        |
| Tổng cộng    | 5            | 160         | 10           |

100% học sinh học bán trú tại trường

\*Về công tác kiểm tra HSSS, dự giờ thăm lớp của giáo viên:

Đã kiểm tra 2 đợt kiểm tra HSSS kết quả kiểm tra được 10 bộ trong đó xếp loại tốt 7 bộ, khá 2 bộ, 1 bộ đạt yêu cầu.

Dự giờ thao giảng 2 đợt xếp loại giỏi 13 tiết khá 5 tiết

Tổ chức hội thi “ Giáo viên dạy giỏi cấp trường ” cấp trường đạt 1 giải nhất, 1 giải nhì, 1 giải ba, 1 giải khuyến khích

Dự giờ chuyên đề 3 tiết kết quả 2 tốt, 1 khá

Dự giờ kiểm tra toàn diện 3 tiết đạt 3 tiết dạy khá

\* Đối với học sinh:

Tổ chức cho học sinh đi thăm quan trải nghiệm bảo tàng âm thanh tỉnh Đắk Nông

Đã tổ chức lễ hội “Mùa xuân cho bé” vào tháng 1

Tổ chức hội thi “Hoạ sỹ tí hon” cấp trường trong đó đạt:

- Khối mầm 1 giải nhất, 2 giải nhì, 3 giải ba và 10 giải khuyến khích
- Khối chồi 1 giải nhất, 2 giải nhì, 3 giải 3, 11 giải khuyến khích
- Khối lá 3 giải nhất, 6 giải nhì, 9 giải ba, 20 giải khuyến khích
- Tổ chức trải nghiệm tham quan “Doanh trại bộ đội”
- Tổ chức trải nghiệm “Tham quan trường tiểu học”

## **2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ em năm học cũ, năm 2023 – 2024:**

Đội ngũ giáo viên luôn tăng cường công tác chăm sóc - nuôi dưỡng, bảo vệ sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, tai nạn thương tích, đảm bảo an toàn trẻ.

Đảm bảo khẩu phần ăn bán trú của trẻ. Thực hiện tốt công tác vệ sinh an toàn thực phẩm trong nhà trường, nhà bếp thực hiện lưu mẫu thức ăn, công khai chế độ ăn hàng ngày, ký kết hợp đồng mua thực phẩm sạch, đảm bảo an toàn.

Nhà trường phối kết hợp chặt chẽ với trạm y tế tổ chức tiêm chủng, phòng chống dịch bệnh, khám sức khỏe định kỳ cho trẻ. Tổ chức cân đo, theo dõi sự phát triển của trẻ bằng biểu đồ theo quý 3 lần /năm

- Trẻ theo dõi biểu đồ tăng trưởng: 100% trở lên.

Y tế và phó hiệu trưởng đã xây dựng thực đơn phong phú phù hợp với học sinh không để xảy ra tình trạng mất vệ sinh ngộ độc thực phẩm học sinh tăng cân đều

Kết quả cân đo qua các đợt:

+ Cân đo đợt I: 158 cháu trong đó có 133 cháu cân nặng bình thường chiếm tỉ lệ 97% 3 cháu thấp còi nhẹ cân chiếm tỉ lệ 1.8 %, thấp còi 2 chiếm 1.2 %

+ Cân đo đợt II :165 cháu trong đó có 162 cháu cân nặng bình thường chiếm tỉ lệ 98.2 % , 2 cháu thấp còi nhẹ cân chiếm tỉ lệ 1.2 %

+ Cân đo đợt III :165 cháu trong đó có 164 cháu cân nặng bình thường chiếm tỉ lệ 99.4 % , 2 cháu nhẹ cân chiếm tỉ lệ 1.2 % , thấp còi 2 cháu chiếm 1.2 %

Đã tiến hành xây dựng kế hoạch phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ, bộ phận bán trú tiến hành điều chỉnh thực đơn hàng tuần cho phù hợp với học sinh nhằm khuyến khích học sinh ăn nhiều ăn hết xuất ăn.

## **VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH:**

**\* Nguồn kinh phí không tự chủ:**

- Số dư năm trước chuyển sang: 0
- Số kinh phí được cấp năm 2024: 37.350.000đ

Trong đó:

- KP hỗ trợ chi phí học tập cho trẻ theo NĐ 81/2021/NĐ-CP: 16.200.000đ
- KP hỗ trợ ăn trưa cho trẻ theo NĐ 105/2018/NĐ-CP: 14.400.000đ
- Hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị quyết 11/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đắk Nông: 6.750.000đ

- Số kinh phí đã sử dụng đến 24/9/2024: 7.000.000đ

- Số kinh phí còn lại tại KBNN: 30.350.000đ

**\* Nguồn kinh phí tự chủ:**

- Số dư năm trước chuyển sang: 0
- Số kinh phí được cấp năm 2024: 1.856.638.000đ
- Số kinh phí đã sử dụng đến 24/9/2024: 1.373.427.000đ

Trong đó:

- Chi tiền lương và các khoản nộp BHXH: 1.272.799.000đ
- Chi hoạt động, chuyên môn: 100.628.000đ
- Số kinh phí còn lại tại KBNN: 438.256.000đ

**\* Học phí**

- Số dư năm trước chuyển sang: 49.551.000đ
- Thu học phí năm học 2023-2024: 41.295.000đ
- Số kinh phí đã sử dụng đến 24/09/2024: 18.000.000đ
- Số kinh phí còn lại tại KBNN: 72.846.000đ

**\* Nguồn quỹ thỏa thuận của CMHS năm học 2022-2023:**

| <b>Khoản thu</b>           | <b>Thu</b>   | <b>Chi</b>   |
|----------------------------|--------------|--------------|
| + Tiền ăn:                 | 347.700.000đ | 347.700.000đ |
| + Chi khác:                | 86.925.000đ  | 86.925.000đ  |
| + Bổ sung đồ dùng bán trú: | 15.680.000đ  | 15.680.000đ  |
| + Nấu ăn:                  | 100.400.000đ | 100.400.000đ |
| + Chăm sóc giấc ngủ:       | 122.400.000đ | 122.400.000đ |
| + Nước uống:               | 8.184.000đ   | 8.184.000đ   |
| + Dọn nhà vệ sinh:         | 10.230.000đ  | 10.230.000đ  |

**VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM:**

**1. Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước.**



100% CBQL, GV, NV có quan điểm lập trường tư tưởng vững vàng. Trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng, chấp hành tốt đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của ngành, tham gia học tập các Nghị quyết, Chỉ thị, các đợt sinh hoạt chính trị để nâng cao bản lĩnh chính trị.

100% đội ngũ CB, QL, GV, NV có phẩm chất đạo đức cách mạng, phẩm chất đạo đức nhà giáo và phát huy tính tiên phong, gương mẫu, có ý thức xây dựng tập thể nhà trường vững mạnh. Tổ chức Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ, Công đoàn, chi đoàn đạt vững mạnh.

## **2. Phát triển đội ngũ CBQL và GVMN đáp ứng yêu cầu đổi mới**

- Thực hiện tốt công tác tham mưu đảm bảo đủ số lượng GV theo quy định, bố trí tối thiểu 02 GV/lớp; nhằm bảo đảm công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, đặc biệt bảo đảm an toàn tuyệt đối cho trẻ ở trường; chủ động tham mưu đảm bảo điều kiện đội ngũ thực hiện Chương trình GDMN mới. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với GVMN theo quy định hiện hành. Triển khai hiệu quả chất lượng công tác Hướng dẫn nâng cao năng lực chuyên môn CBQL, GVMN đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục Kế hoạch số 471/KH-BGDĐT ngày 04/5/2024 của Bộ GDĐT Ban hành Kế hoạch hướng dẫn nâng cao năng lực chuyên môn cho CBQL và GVMN đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục năm học 2024 -2025; bồi dưỡng đội ngũ để chuẩn bị thực hiện Chương trình GDMN mới; lựa chọn nội dung, hình thức bồi dưỡng phù hợp nhằm thúc đẩy tinh thần học tập, chia sẻ giữa các tổ, nhóm, GV khuyến khích CBQL, GVMN tự học và khai thác nguồn tài liệu, học liệu thông qua nhiều hình thức khác nhau; quan tâm bồi dưỡng đội ngũ CBQL, GVMN và GV người DTTS, hỗ trợ GV sử dụng tiếng mẹ đẻ của trẻ trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

## **3. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số**

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong GDMN, đặc biệt trong công tác quản trị, quản lý, trong tổ chức hoạt động của cơ sở GDMN. Cập nhật kịp thời đầy đủ số liệu lên phần mềm CSDL ngành; triển khai rà soát, chuẩn hóa dữ liệu ở các cấp quản lý để khai thác, sử dụng.

- Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em trong GDMN.

- Khuyến khích khai thác, sử dụng các phần mềm hỗ trợ trong công tác quản lý trường học, lập kế hoạch giáo dục, theo dõi chỉ đạo, quản lý bán trú, phần mềm dinh dưỡng của các đơn vị có uy tín, được cơ quan có thẩm quyền thẩm định để đảm bảo chất lượng quản lý.

Đối với kế toán thực hiện phần mềm misa và phần mềm quản lý tài sản

Đối với cán bộ quản lý. Giáo viên có phần mềm F.Bot, X.Bot, edubot.

Đối với nhân viên có phần mềm đánh giá khen thưởng, viên chức...

Ngoài ra nhà trường còn có phần mềm quản lý văn bản, phần mềm quản lý học

sinh (Cơ sở dữ liệu ngành)...

Trên đây là nội dung công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ GD&ĐT về Quy định công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của Trường mầm non Tân Lập Thành.

**Nơi nhận:**

- PGDĐT (b/c);
- Website nhà trường;
- Bảng tin;
- Lưu: Vt.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Nguyễn Hoàng Quyền**

